

Số: 16/2024/QĐST-HNGĐ

Sông Công, ngày 19 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: TDP XG, phường C, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: TDP XG, phường C, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Chu Thị T và anh Trần Văn N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T và anh Trần Văn N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh N xác định có 02 con chung là Trần H, sinh ngày 01/05/2012 và Trần L, sinh ngày 30/3/2021. Khi ly hôn chị T và anh N thỏa thuận: Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Trần H và Trần L, cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Chu Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn vào Ngân sách nhà nước. Hoàn trả chị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000603 ngày 16 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN
- VKS TP Sông Công;
- THADS TP SCTN
- Đương sự;
- UBND p C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bình

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).